

Số: 11/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 09 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
năm 2023 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 14 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương thực hiện thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2023 và Nghị quyết số 10/NQ-NĐND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, thay thế Phụ lục II và Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh;

Xét Tờ trình số 1258/TTr-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 23/BC-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn tỉnh là 154.570 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương: 67.806 triệu đồng.
2. Vốn sự nghiệp: 86.764 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 75.447 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 11.317 triệu đồng), bao gồm:
 - Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 26.513 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 23.055 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 3.458 triệu đồng);
 - Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 1.665 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 1.448 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 217 triệu đồng);
 - Sự nghiệp văn hóa thông tin: 8.095 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 7.039 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 1.056 triệu đồng);
 - Sự nghiệp các hoạt động kinh tế: 47.334 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 41.160 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 6.174 triệu đồng);

- Sự nghiệp đảm bảo xã hội: 3.157 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 2.745 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 412 triệu đồng).

Cụ thể như sau:

- Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 12.096 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 6.792 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 4.612 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 692 triệu đồng).

- Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết: 9.320 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển).

- Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị: 25.080 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 21.809 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 3.271 triệu đồng).

- Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: 54.240 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 37.786 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 14.308 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 2.146 triệu đồng).

- Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 35.529 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 9.016 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 23.055 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 3.458 triệu đồng).

- Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 8.865 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 4.518 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 3.780 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 567 triệu đồng).

- Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em: 1.665 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 1.448 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 217 triệu đồng).

- Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em: 1.630 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 1.417 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 213 triệu đồng).

- Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù: 1.527 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 1.328 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 199 triệu đồng).

- Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 4.618 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 374 triệu đồng, vốn sự nghiệp ngân sách trung ương 3.690 triệu đồng và vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh đối ứng 554 triệu đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khoá XI, kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) thông qua ngày 09 tháng 5 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHĐ.08) Tuệ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh